

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022 và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023

#### I. Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2022:

Nghiêm túc quán triệt thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, của UBND tỉnh về công tác quản lý XDCB. Thực hiện Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB sử dụng vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2022, Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB sử dụng vốn ngân sách do huyện quản lý năm 2022, UBND huyện đã ban hành quyết định phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình để triển khai thực hiện. Ngoài nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí, UBND huyện đã chủ động lồng ghép các nguồn vốn từ khai thác quỹ đất, TW hỗ trợ có mục tiêu... để ưu tiên phân bổ các công trình hoàn thành, công trình chuyển tiếp và một số công trình mới cấp thiết khác.

#### 1. Nguồn vốn huy động:

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân, tổ chức phi Chính phủ tài trợ đạt: **228.382,4 triệu đồng** cụ thể như sau:

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính (triệu đồng)
1	Ngân sách huyện	85.689,0
1.1	- Xây dựng cơ bản tập trung tỉnh phân cấp huyện quản lý : + Vốn Kh năm 2022: 9.480,0 triệu đồng + Vốn kéo dài năm 2021 chuyển thực hiện năm 2022: 769,7 triệu đồng	10.249,7
1.2	Thu tiền sử dụng đất + Vốn Kh năm 2022: 52.250,0 triệu đồng (trong đó có điều chỉnh nguồn vốn có 15.630 triệu đồng chưa giao, dự phòng kế hoạch đầu giá đất không đạt KH) + Vốn kéo dài năm 2021 chuyển thực hiện năm 2022: 1.839,3 triệu đồng	54.089,3
1.3	Vốn Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu + Vốn Kh năm 2022: 18.250,0 triệu đồng + Vốn kéo dài năm 2021 chuyển thực hiện năm 2022: 3.100,0 triệu đồng	21.350,0
2	Vốn khắc phục lụt bão	7.000,0



3	Ngân sách tỉnh (huyện quản lý)	28.361,0
4	Ngân sách TW (huyện quản lý)	43.000,0
5	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2022	3.000,0
6	Vốn Chương trình MTQG XD NTM năm 2022	40.820,7
7	Nâng cấp sửa chữa mộ, nghĩa trang liệt sỹ năm 2021 (vốn Pháp lệnh ưu đãi đối với người có công)	4.000,0
8	Vốn Tài trợ	16.511,8
<b>Tổng cộng</b>		<b>228.382,4</b>

**2. Tình hình bố trí vốn:** (có phụ biểu đính kèm; Biểu 1)

Kế hoạch vốn năm 2022 giao là **228.382,4** triệu đồng, tăng 31,5% so với kế hoạch năm 2021, ước giải ngân đến 31/01/2023 được **199.639,7** triệu đồng, đạt 94% kế hoạch.

**2.1. Nguồn ngân sách huyện:**

Kế hoạch vốn giao là 85.689,0 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 được **67.652,4** triệu đồng, đạt 97% kế hoạch (Trong đó có 15.630 triệu đồng vốn thu tiền sử dụng đất năm 2022 chưa giao, dự phòng cho kế hoạch đấu giá đất không đạt so với kế hoạch đề ra).

**2.1.1 Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung tỉnh phân cấp huyện quản lý:**

Tổng nguồn vốn XDCB tỉnh phân cấp huyện quản lý kế hoạch năm 2022 là 10.249,7 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 100,0%.

**2.1.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất:**

Tổng nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất kế hoạch năm 2022 là 54.089,3 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 94% kế hoạch. (Trong đó có 15.630 triệu đồng vốn thu tiền sử dụng đất năm 2022 chưa giao, dự phòng cho kế hoạch đấu giá đất không đạt so với kế hoạch đề ra)

**2.1.3. Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu:**

Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2022 là 21.350 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 100% kế hoạch.

**2.2. Nguồn vốn hỗ trợ khắc phục bão lụt:**

Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2022 là 7.000 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 100% kế hoạch.

**2.3. Nguồn vốn XDCB tập trung tỉnh quản lý huyện làm chủ đầu tư:**

Tổng nguồn vốn tỉnh hỗ trợ kế hoạch năm 2022 là 28.361 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 là 27.360 triệu đồng đạt 96% kế hoạch (Nguồn vốn xổ số kiến thiết UBND tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng NTM kế hoạch năm 2022 là 1,5 tỷ đồng tuy nhiên do nguồn thu từ nguồn xổ số kiến thiết không đạt Sở Tài chính chỉ nhập nguồn



0,5 tỷ đồng còn thiếu 1,0 tỷ đồng, nên chưa thể giải ngân hết nguồn vốn theo kế hoạch).

#### **2.4. Nguồn vốn ngân sách trung ương huyện làm chủ đầu tư:**

Tổng nguồn vốn trung ương hỗ trợ kế hoạch năm 2022 là 43.000 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 là 43.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch

#### **2.5. Nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo:**

Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2022 là 3.000 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 100% kế hoạch.

#### **2.6. Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 là 40.820,7 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2023 đạt 75% kế hoạch.

#### **2.7. Nâng cấp sửa chữa mộ, nghĩa trang liệt sỹ năm 2022 (thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công):**

Phân bổ 4.000,0 triệu đồng ước giải ngân đến 31/01/2023 là đạt 100% kế hoạch.

#### **2.8. Vốn Tài trợ:**

Tổng nguồn vốn tài trợ năm 2022 là 16.511,8 triệu đồng, ước giải ngân đến 31/01/2022 là đạt 90% kế hoạch

#### **3. Tình hình thực hiện công tác quyết toán công trình hoàn thành năm 2022:**

Công tác thẩm tra, quyết toán vốn đầu tư XDCB công trình hoàn thành ước thực hiện đến 31/12/2022 được 80/90 công trình đạt tỷ lệ 88,8%.

#### **4. Những tồn tại trong công tác quản lý đầu tư XDCB.**

Nhìn chung công tác đầu tư XDCB năm 2022, được triển khai tích cực; vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích. Các cơ quan đơn vị được giao làm chủ đầu tư, khi kế hoạch được bố trí đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn bộc lộ những tồn tại, đó là:

- Tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và khó lường; thời tiết mưa lũ diễn biến phức tạp, giá nguyên nhiên liệu và nhiều vật liệu xây dựng tăng đột biến nhiều công trình phải gián tiến độ, thi công cầm chừng dự án chậm tiến độ ảnh hưởng rất lớn đến việc giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2022 của huyện. Đặc biệt giá vật liệu đất san nền khan hiếm.

- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Tiến độ lập thủ tục XDCB của một số đơn vị được giao làm chủ đầu tư hoặc quản lý điều hành dự án còn chậm. Đặc biệt đối với nguồn vốn NTM đây là năm đầu tiên thực hiện theo đầu tư các dự án thuộc Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025; các cơ chế, chủ trương, chính sách, hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG của Trung ương chậm được ban hành; nguồn vốn thực hiện các chính sách



chậm được bố trí; nhiều quy định chưa rõ ràng, nhiều hướng dẫn chưa có nên các địa phương rất lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Công tác triển khai các dự án quy hoạch khu dân cư tiến độ chậm do vướng mắc GPMB, điều chỉnh dự án nhiều lần cho nên việc giải ngân nguồn vốn chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện nhiệm được giao, thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng triển khai các dự án đầu tư chưa đảm bảo tiến độ.

## **II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023.**

**1. Danh mục đầu tư xây dựng mới năm 2023:** (Nghị Quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Phong về việc phê duyệt danh mục đầu tư công năm 2023 và danh mục dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 và các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Phong về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng mới năm 2023)

### **2. Nguyên tắc phân bổ, kế hoạch vốn và phương án phân bổ vốn năm 2023:**

#### **2.1 Nguyên tắc phân bổ:**

- Kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; định hướng mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của huyện.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch; đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất mục tiêu, cơ chế chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định pháp luật, tạo quyền chủ động cho các ngành, địa phương và nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Kế hoạch phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 theo thứ tự ưu tiên với các tiêu chí như sau:

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 để phát huy hiệu quả đầu tư.

+ Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023 theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó phần đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

+ Sau khi bố trí các công trình nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới theo nguyên tắc sau:

\* Bố trí vốn đối với công trình xây dựng mới (Công trình dân dụng, giao thông và thủy lợi) thực hiện bố trí vốn theo phân kỳ đầu tư hoặc thời gian thực hiện dự án tại các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư của HĐND huyện của từng dự án.



**2.2. Kế hoạch vốn Ngân sách huyện năm 2023:**

**Tổng nguồn ngân sách huyện quản lý: 47.934,0 triệu đồng**

2.2.1. Nguồn đầu tư phát triển tỉnh phân cấp huyện quản lý (XDCB tập trung): 9.934 triệu đồng.

2.2.2 Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất huyện quản lý: 38.000 triệu đồng

+ Kế hoạch đầu thu tiền sử dụng đất năm 2023: 38.000 triệu đồng (huyện hưởng 95%)

\* Nguồn vốn giao đất: 4.750 triệu đồng

\* Nguồn vốn đấu giá QSD đất: 33.250 triệu đồng

**2.3. Phương án phân bổ nguồn ngân sách huyện năm 2023: (Biểu số 2 đính kèm)**

2.3.1. Nguồn đầu tư phát triển tỉnh phân cấp huyện quản lý (XDCB tập trung): 9.480 triệu đồng.

- Phân bổ công trình chuyển tiếp hoàn thành năm 2023: 2.500 triệu đồng (02 công trình)

- Phân bổ công trình chuyển tiếp: 5.164 triệu đồng (02 công trình và 04 công trình bố trí vốn thực hiện Chương trình MTQG XD NTM)

- Phân bổ công trình xây dựng mới năm 2023: 2.270 triệu đồng (06 công trình)

2.3.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 38.000 triệu đồng

- Phân bổ công trình chuyển tiếp hoàn thành năm 2023: 1.990 triệu đồng (4 công trình)

- Phân bổ công trình chuyển tiếp: 18.130 triệu đồng (10 công trình)

- Phân bổ công trình xây dựng mới năm 2023: 12.880 triệu đồng (22 công trình và hỗ trợ các xã về đích NTM, huyện NTM)

- Trích 10% theo Nghị Quyết số: 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện nhiệm vụ khác: 3.800 triệu đồng

Trên đây là tình hình thực hiện đầu tư XDCB năm 2022 và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023./.

Nơi nhận: *✍*

- Sở KHĐT (b/c);
- TVHU, TT HĐND;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT và các PCT;
- Thành viên UBND huyện;
- Các đơn vị; UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phan Văn Linh



BIỂU 1

BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH DO HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2022  
(Kèm theo Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Triệu Phong)

		Kế hoạch vốn năm 2022	Ước giải ngân đến ngày 30/01/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>228.882,4</b>	<b>199.639,7</b>	<b>94%</b>	
<b>A</b>	<b>Ngân sách huyện</b>	<b>85.689,0</b>	<b>67.652,4</b>	<b>97%</b>	
	<b>Tình phân cấp huyện quản lý (XDCB TT)</b>	<b>10.249,7</b>	<b>10.249,7</b>	<b>100%</b>	
1	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi huyện			Huyện đoàn Triệu Phong	
2	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử	510,2	510,2	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Đối ứng các công trình ngân sách tỉnh hỗ trợ				
3	Trường THPT Triệu Phong; hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	1.220,0	1.220,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
4	Trường Tiểu học & THCS Triệu Độ, huyện Triệu Phong	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm; hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học	500,0	500,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
6	Trường Mầm non Triệu Giang; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	500,0	500,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
7	Trường Mầm non Triệu Sơn; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	500,0	500,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
8	Trường TH & THCS Triệu Độ; hạng mục: Nhà 02 tầng 04 phòng học	600,0	600,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
9	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	1.000,0	1.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
10	Hỗ trợ trường THPT thị xã Quảng Trị (Xây dựng nhà đa năng)	150,0	150,0		
28	Hệ thống họp trực tuyến Huyện ủy, UBND huyện đến Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn	219,0	219,0	Văn phòng HĐND - UBND huyện	
	Trường THCS Triệu An; hạng mục: Nhà 02 tầng 04 phòng học	500,0	500,0		
	Đường trục chính khu dân cư Hữu Niên A, thôn Hữu Hòa, xã Triệu Hòa	298,3	298,3		
11	Hỗ trợ các xã về dịch NTM, huyện NTM	3.430,0	3.430,0	UBND các xã	
	<b>Vốn Kéo dài</b>				
	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu làng nghề sản xuất bún thôn Linh Chiểu, xã Triệu Sơn	322,2	322,2	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi huyện			Huyện đoàn	
	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>54.089,3</b>	<b>36.053,7</b>	<b>94%</b>	
1	Trường Tiểu học Triệu Thành; hạng mục: Xây dựng mới nhà hiệu bộ	300,0	300,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
2	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	600,0	600,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
3	Đường Hoàng Thị Ái, thị trấn Ái Tử	600,0	600,0	UBND thị trấn Ái Tử	
4	Đường Lê Quý Đôn, thị trấn Ái Tử	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2020	500,0	250,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
6	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	400,0	195,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
7	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Trung	500,0	500,0	UBND xã Triệu Trung	
8	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử			UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	<b>Xây dựng mới KH 2022</b>				
1	Công viên cây xanh tại trụ sở UBMT cũ	1.570,0	1.570,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
2	Quy hoạch khu dân cư các xã trên địa bàn huyện Triệu Phong năm 2022-2025	500,0	250,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
3	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn thị trấn Ái Tử huyện Triệu Phong năm 2022-2025	-	-	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	



		Kế hoạch vốn năm 2022	Ước giải ngân đến ngày 30/01/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư Lê Xuyên, xã Triệu Trạch	-		UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực, thị trấn Ái Tử (đoạn từ đường Lê Lợi đến Hoàng Diệu)	600,0	600,0	UBND thị trấn Ái Tử	
6	Nâng cấp Trụ sở Công An thị trấn Ái Tử	150,0	150,0	UBND thị trấn Ái Tử	
7	Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao thôn Văn Hòa	500,0	500,0	UBND xã Triệu Hòa	
8	Nâng cấp đường GTNT các thôn xã Triệu Thành	1.000,0	1.000,0	UBND xã Triệu Thành	
9	Xây dựng nhà văn hóa Bích Trung Nam, xã Triệu Thành	850,0	850,0	UBND xã Triệu Thành	
10	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Nại Cừu, xã Triệu Thành	200,0	200,0	UBND xã Triệu Thành	
11	Sửa chữa trường Mầm non Triệu Thành; hạng mục: Nâng cấp nhà bếp	500,0	500,0	UBND xã Triệu Thành	
12	Nhà văn hóa thôn An Định, Bích Lộc Triệu, xã Triệu Long	600,0	400,0	UBND xã Triệu Long	
13	Đường GTNT các thôn xã Triệu Long năm 2022	1.000,0	1.000,0	UBND xã Triệu Long	
14	Nhà văn hóa thôn Lê Xuyên, xã Triệu Trạch	700,0	700,0	UBND xã Triệu Trạch	
15	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch năm 2022	1.000,0	1.000,0	UBND xã Triệu Trạch	
16	Đường GTNT thôn Nại Hiệp xã Triệu Ái	700,0	700,0	UBND xã Triệu Ái	
17	Quy hoạch khu dân cư xã Triệu Ái	900,0	700,0	UBND xã Triệu Ái	
18	Nhà làm việc một cửa xã Triệu Phước	500,0	500,0	UBND xã Triệu Phước	
19	Nâng cấp Sân TDTT xã Triệu Phước	300,0	300,0	UBND xã Triệu Phước	
20	Đường GTNT thôn Quảng Điền xã Triệu Đại năm 2022	-		UBND xã Triệu Đại	
21	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Quảng Lương, xã Triệu Đại	-		UBND xã Triệu Đại	
22	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo và đường Nguyễn Du, thị trấn Ái Tử	3.700,0	3.700,0	UBND thị trấn Ái Tử	
23	Hệ thống thoát nước đường Đoàn Bá Thừa và Lê Thế Tiết, thị trấn Ái Tử	1.200,0	1.200,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
24	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử (Đoạn từ đường tránh thị xã Quảng Trị đến Lý Thường Kiệt)	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
25	Đường Nguyễn Thị Lý, thị trấn Ái Tử (Giai đoạn 2)	1.000,0	1.000,0	UBND thị trấn Ái Tử	
26	Đường Nguyễn Quang Xá, thị trấn Ái Tử	1.000,0	1.000,0	UBND thị trấn Ái Tử	
27	Hệ thống cấp nước cụm công nghiệp Ái Tử	-		Trung tâm Phát triển CNN & Khuyến công huyện	
28	Hệ thống hợp trục tuyến Huyện ủy, UBND huyện đến Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn	1.400,0	1.400,0	Văn phòng HĐND - UBND huyện	
29	Đường GTNT xã Triệu Độ năm 2022	1.150,0	1.150,0	UBND xã Triệu Độ	
30	Nâng cấp nhà văn hóa các thôn xã Triệu Long	500,0	500,0	UBND xã Triệu Long	
31	Chợ Bò Bán, xã Triệu Phước	500,0	500,0	UBND xã Triệu Phước	
32	Trường Mầm non Triệu Văn; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	1.500,0	1.500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
33	Hỗ trợ các xã về đích NTM, huyện NTM	3.500,0	3.500,0		
34	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	1.000,0	1.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
	Đường trục chính khu dân cư Hữu Niên A, thôn Hữu Hòa, xã Triệu Hòa	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Đường GTNT Gia Độ, xã Triệu Độ	350,0	350,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Đường GTNT từ Thôn Long Quang xã Triệu Trạch đến thôn Phú Liêu, xã Triệu Tài	350,0	350,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
35	Trích ngân sách huyện theo Nghị Quyết số: 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện nhiệm vụ khác	3.500,0	3.500,0		
	<b>Vốn kéo dài</b>				
	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn, huyện Triệu Phong năm 2019	1.215,3	195,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	475,3	195,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Hà My, xã Triệu Hòa	36,6	36,6	UBND xã Triệu Hòa	
	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Trung	41,7	41,7	UBND xã Triệu Trung	
	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Triệu Trạch	70,4	70,4	UBND xã Triệu Trạch	
	Vốn Thi tiền sử dụng đất (Dự phòng ko đầu giá đạt KH)	15.630,0		Kinh phí chưa giao	
	<b>Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu</b>	<b>21.350,0</b>	<b>21.349,0</b>	<b>100%</b>	



		Kế hoạch vốn năm 2022	Ước giải ngân đến ngày 30/01/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử	3.000,0	3.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
2	Chỉnh trang đô thị (trồng cây xanh)				
	Trồng cây xanh thị trấn Ái Tử	1.870,0	1.870,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Trồng cây xanh giữa dải phân cách QL1A	1.130,0	1.130,0		
3	Thực hiện đề án phát triển đô thị thị trấn Ái Tử (hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng)				
	Vía hè hệ thống thoát nước đường Nguyễn Huệ (đoạn QL1A đến Nguyễn Hoàng)	1.000,0	1.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường thị trấn Ái Tử	700,0	700,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp Sân vận động huyện	400,0	399,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Đường qua khu dân cư thôn Đồng Tâm 1 xã Triệu Tài	905,0	905,0	UBND xã Triệu Tài	
	Tuyến nhánh nối đường Hoàng Thị Ái đến đường Lê thế tiết, thị trấn Ái Tử	495,0	495,0	UBND thị trấn Ái Tử	
	Trụ sở UBMT TQ Việt nam huyện; hạng mục: Kính Chống mưa	500,0	500,0	UBMTTQ VN huyện	
4	Đường GTNT từ Thôn Long Quang xã Triệu Trạch đến thôn Phú Liêu, xã Triệu Tài	850,0	850,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Đường GTNT Bích Khê và thôn Phú Lưu, xã Triệu Long	850,0	850,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
6	Đường GTNT Gia Độ, xã Triệu Độ	850,0	850,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
7	Đường trục chính khu dân cư Hữu Niên A, thôn Hữu Hòa, xã Triệu Hòa	3.000,0	3.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Đường giao thông từ ĐH 43 từ NTLs xã Triệu Trung	2.700,0	2.700,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	<b>Vốn kéo dài năm 2021 sang năm 2022</b>				
	Đường giao thông qua khu dân cư Thâm Triều, xã Triệu Tài	2.000,0	2.000,0	UBND xã Triệu Tài	
	Đường Hoàng Diệu, thị trấn Ái Tử	1.100,0	1.100,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
<b>B</b>	<b>Ngân sách TW</b>	<b>43.000,0</b>	<b>43.000,0</b>	<b>100%</b>	
	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	24.000,0	24.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
	Hợp phần GPMB thuộc dự án HT cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (huyện Triệu Phong)	19.000,0	19.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
<b>C</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>28.861,0</b>	<b>27.860,0</b>	<b>97%</b>	
3	Trường THPT Triệu Phong; hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	2.500,0	2.500,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
4	Trường THCS Triệu An; hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học	300,0	300,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
5	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm; hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học	1.100,0	1.100,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
6	Trường Mầm non Triệu Giang; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	1.100,0	1.100,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
7	Trường Mầm non Triệu Sơn; hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	1.000,0	1.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
8	Trường Tiểu học & THCS Triệu Độ, huyện Triệu Phong	820,0	820,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
9	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Phòng KT & HT huyện)	
10	Cầu bến Lợi	6.000,0	6.000,0	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
11	Kênh tiêu úng Mụ Cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong	2.000,0	2.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
12	Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong	7.500,0	7.500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
13	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (Đường ĐH 43B)	4.000,0	4.000,0	Danh mục theo phương án hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM được UBND tỉnh phê duyệt	



		Kế hoạch vốn năm 2022	Ước giải ngân đến ngày 30/01/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
14	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025	1.500,0	500,0	Danh mục theo phương án hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM được UBND tỉnh phê duyệt; Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện	
	<b>Vốn kéo dài</b>				
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng di dân ra khỏi vùng ngập lụt 3 xã Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long huyện Triệu Phong (giai đoạn 1)	41,0	40,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
3	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới Huyện Triệu Phong	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
<b>D</b>	<b>Vốn Khắc phục lụt bão</b>	<b>7.000,0</b>	<b>7.000,0</b>	<b>100%</b>	
1	Kè chống sạt lở bờ sông Vĩnh Định đoạn qua thôn Đồng Tâm 2, xã Triệu Tài	1.000,0	1.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
2	Sửa chữa khắc phục các tuyến kênh qua các xã Triệu Đại, Triệu Tài	900,0	900,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
3	Kè chống xói lở bờ sông Ái Tử đoạn qua thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang	1.000,0	1.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
4	Kè chống xói lở bờ sông Thạch Hãn đoạn qua thôn Trà Liên Đông, xã Triệu Giang	1.000,0	1.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Kè chống sạt lở bờ sông Thạch Hãn đoạn qua khu dân cư Trung Yên, thôn An Trung Đông, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	1.000,0	1.000,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
6	Sửa chữa phòng học Trường Mầm non Triệu Thượng	800,0	800,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
7	Sửa chữa dây phòng học cấp 4 Trường TH&THCS Triệu Đại	500,0	500,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
8	Khắc phục công trình: Đường Giao thông liên xã Triệu Thuận - Triệu Độ, huyện Triệu Phong	800,0	800,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
<b>E</b>	<b>Vốn nâng cấp sửa chữa mộ, nghĩa trang Liệt sỹ năm 2022</b>	<b>4.000,0</b>	<b>4.000,0</b>	<b>100%</b>	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Vân	300,0	300,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Giang	450,0	450,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Trung	2.000,0	2.000,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Hòa	250,0	250,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Thuận	500,0	500,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
	Nâng cấp NTLS xã Triệu Long	500,0	500,0	Phòng LĐTĐ & XD huyện (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
<b>D</b>	<b>Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo</b>	<b>3.000,0</b>	<b>3.000,0</b>	<b>100%</b>	
	Trung tâm GDTX-HNDN huyện; hạng mục: nhà 2 tầng 8 phòng học	3.000,0	3.000,0		
<b>D</b>	<b>Vốn Chương trình MTQG XD NTM</b>	<b>40.820,7</b>	<b>30.615,5</b>	<b>75%</b>	
<b>D1</b>	<b>Ngân sách tỉnh</b>	<b>14.254,0</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	
	<b>Tiêu thương</b>				
1	Triệu Hòa	300,0		UBND xã Triệu Hòa	
2	Triệu Tài	300,0		UBND xã Triệu Tài	
3	Triệu Ái	300,0		UBND xã Triệu Ái	
	<b>NTM Nâng cao</b>				
1	Triệu Trạch	1.000,0		UBND xã Triệu Trạch	
	<b>Về đích NTM Năm 2022</b>				
1	Triệu An	2.992,0		UBND xã Triệu An	
2	Triệu Lăng	3.057,0		UBND xã Triệu Lăng	
3	Triệu Vân	2.405,0		UBND xã Triệu Vân	
	<b>Hỗ trợ huyện NTM</b>	<b>3.900,0</b>		<b>UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD &amp; PTQĐ huyện)</b>	
<b>D2</b>	<b>Ngân sách trung ương</b>	<b>26.566,7</b>			
	<b>Về đích NTM Năm 2022</b>	<b>3.771,1</b>			
1	Triệu An	1.257,0			



		Kế hoạch vốn năm 2022	Ước giải ngân đến ngày 30/01/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Triệu Lăng	1.257,0			
3	Triệu Vân	1.257,0			
	<b>14 xã còn lại</b>	<b>9.875,6</b>			
1	Triệu Hòa	705,4			
2	Triệu Tài	705,4			
3	Triệu Ái	705,4			
4	Triệu Đại	705,4			
5	Triệu Thành	705,4			
6	Triệu Trạch	705,4			
7	Triệu Phước	705,4			
8	Triệu Long	705,4			
9	Triệu Giang	705,4			
10	Triệu Thuận	705,4			
11	Triệu Độ	705,4			
12	Triệu Thượng	705,4			
13	Triệu Trung	705,4			
14	Triệu Sơn	705,4			
	Hỗ trợ huyện NTM	12.920,0			
<b>E</b>	<b>Vốn tài trợ</b>	<b>16.511,8</b>	<b>16.511,8</b>	<b>100%</b>	
1	Trường MN Triệu Phước (khu vực Lương Kim) Quỹ DOVE Fund)	1.355,0	1.355,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
2	Trường Mầm non Triệu Đại (Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Chính phủ Hoa Kỳ)	8.500,0	8.500,0	Chìa khóa trao tay	
3	Trường TH & THCS Triệu Độ; hạng mục: Nhà 02 tầng 04 phòng học (Quỹ DOVE Fund)	1.132,0	1.132,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
4	Nhà cộng đồng tránh lũ, thôn Bích Lộc Triệu, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong	600,0	600,0	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	
5	Xây dựng, nâng cấp cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá tỉnh Q tri	4.924,8	4.924,8	UBND huyện Triệu Phong (Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện)	TMBT: 2,6ty



**BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH DO HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / 11 / 2022 của UBND huyện Triệu Phong)

TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư								Nhu cầu còn lại đến 30/12/2022				Kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Dự toán được duyệt	Nguồn ngân sách huyện				Chương trình mục tiêu, NSTW, NST, vốn khác	Tài trợ, Vốn nhân dân đóng góp	Địa phương đóng góp	Tổng số	Nguồn ngân sách huyện				Nguồn ngân sách huyện			
			Vốn XD CB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó						Tổng cộng	Vốn XD CB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Vốn XD CB tập trung		Thu tiền sử dụng đất
					Vốn giao đất	Vốn đầu tư												
	<b>Tổng cộng</b>	<b>177.716,9</b>	<b>15.456,9</b>	<b>105.202,0</b>	<b>500,0</b>	<b>112.702,0</b>	<b>46.508,0</b>	<b>2.500,0</b>	<b>50,0</b>	-	<b>89.738,7</b>	<b>3.290,7</b>	<b>65.890,0</b>	<b>20.558,0</b>	<b>47.934,0</b>	<b>9.934,0</b>	<b>38.000,0</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp và hoàn thành năm 2023</b>	<b>15.722,0</b>	<b>600,0</b>	<b>8.822,0</b>	-	<b>8.822,0</b>	<b>5.000,0</b>	<b>1.300,0</b>	-	-	<b>10.390,0</b>	<b>2.500,0</b>	<b>7.890,0</b>	-	<b>4.490,0</b>	<b>2.500,0</b>	<b>1.990,0</b>	
1	Đổi ứng Trường Mầm non xã Triệu Phước, khu vực Lương Kim trên địa bàn huyện Triệu Phong (DOVE Fund)	1.800,0	600,0					1.200,0			600,0	600,0			600,0	600,0		
2	Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Đông Á Từ (giai đoạn 2); hạng mục: Đường giao thông tuyến T19	8.532,0		3.532,0		3.532,0	5.000,0				1.900,0	1.900,0	-		1.900,0	1.900,0	-	
3	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực, thị trấn Ái Tử (đoạn từ đường Lê Lợi đến Hoàng Diệu)	1.250,0		1.250,0		1.250,0					6.550,0		6.550,0		650,0		650,0	
4	Nhà văn hóa thôn Lê Xuyên, xã Triệu Trạch	1.000,0		900,0		900,0		100,0			200,0		200,0		200,0		200,0	
5	Đường Nguyễn Thị Lý (GD 2), thị trấn Ái Tử	1.640,0		1.640,0		1.640,0					640,0		640,0		640,0		640,0	
6	Đường Nguyễn Quang Xá, thị trấn Ái Tử	1.500,0		1.500,0		1.500,0					500,0		500,0		500,0		500,0	
<b>II</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>	<b>123.594,9</b>	<b>11.536,9</b>	<b>62.500,0</b>	-	<b>70.500,0</b>	<b>41.508,0</b>	-	<b>50,0</b>	-	<b>79.348,7</b>	<b>790,7</b>	<b>58.000,0</b>	<b>20.558,0</b>	<b>23.294,0</b>	<b>5.164,0</b>	<b>18.130,0</b>	
1	Đường Trường Chinh (từ đường tránh QL1A đến đường Lý Thường Kiệt), thị trấn Ái Tử	10.000,0		10.000,0		10.000,0					9.500,0		9.500,0		3.500,0		3.500,0	
2	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử	12.000,0	1.000,0			8.000,0	3.000,0				3.489,0	489,0	3.000,0		2.294,0	464,0	1.830,0	
3	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2020	6.000,0		6.000,0		6.000,0					3.500,0	-	3.500,0		2.000,0		2.000,0	
4	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	3.000,0		3.000,0		3.000,0					1.100,0	-	1.100,0		1.100,0		1.100,0	
5	Quy hoạch khu dân cư các xã trên địa bàn huyện Triệu Phong năm 2022-2025	10.000,0		10.000,0		10.000,0					10.000,0		10.000,0		2.000,0		2.000,0	
6	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn thị trấn Ái Tử huyện Triệu Phong năm 2022-2025	10.000,0		10.000,0		10.000,0					10.000,0		10.000,0		2.000,0		2.000,0	
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư Lê Xuyên, xã Triệu Trạch	10.000,0		10.000,0		10.000,0					10.000,0		10.000,0		2.000,0		2.000,0	
8	Chợ Bò Bàn	9.700,0		9.700,0		9.700,0					9.200,0		9.200,0		2.000,0		2.000,0	
9	Trường Mầm non Triệu Vân	4.000,0		3.000,0		3.000,0	950,0		50,0		1.500,0		1.500,0		1.500,0		1.500,0	
10	Đường trục chính khu dân cư Hữu Niên A, thôn Hữu Hòa, xã Triệu Hòa	4.400,0	600,0	800,0		800,0	3.000,0				501,7	301,7	200,0		500,0	300,0	200,0	dp:98,35tr
11	Đường ĐH.42 (đoạn Triệu An đi Triệu Lăng)	14.498,0	5.498,0				9.000,0								2.000,0	2.000,0		ntm
12	Đường ĐH.41 (đoạn từ thôn Linh An đi Chợ Cạn)	9.500,0	2.000,0				7.500,0				4.500,0			4.500,0	1.000,0	1.000,0		ntm
13	Nâng cấp đường ĐH46B (Đoạn từ ĐT.578b đến chợ Thuận)	14.996,9	438,9				14.558,0				12.558,0			12.558,0	400,0	400,0		ntm
14	Nâng cấp đường Đường ĐH.46C	5.500,0	2.000,0				3.500,0				3.500,0			3.500,0	1.000,0	1.000,0		ntm
<b>II</b>	<b>Công trình XD mới năm 2023</b>	<b>38.400,0</b>	<b>3.320,0</b>	<b>33.880,0</b>	<b>500,0</b>	<b>33.380,0</b>	-	<b>1.200,0</b>	-	-	-	-	-	-	<b>16.350,0</b>	<b>2.270,0</b>	<b>14.080,0</b>	
1	Cơ sở hạ tầng Hồ sắc Từ; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng và đường đi lối lại	1.800,0	1.000,0	800,0		800,0									1.050,0	450,0	600,0	



TT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư							Nhu cầu còn lại đến 30/12/2022				Kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Dự toán được duyệt	Nguồn ngân sách huyện			Chương trình mục tiêu, NSTW, NST, vốn khác	Tài trợ, Vốn nhân dân đóng góp	Địa phương đóng góp	Tổng số	Nguồn ngân sách huyện				Nguồn ngân sách huyện			
			Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Trong đó					Tổng cộng	Vốn XDCB tập trung	Thu tiền sử dụng đất	NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Vốn XDCB tập trung		Thu tiền sử dụng đất
Vốn giao đất	Vốn đầu tư																
2	Hỗ trợ Nâng cấp sửa chữa trụ sở Thi hành án huyện	150,0	150,0											150,0	150,0		
3	Hỗ trợ trường THPT Nguyễn Hữu Thân	150,0	150,0											150,0	150,0		
4	Nâng cấp hệ thống điện, mạng và hạng mục khác phục vụ hệ thống Tapmic phòng Tài chính - Kế hoạch	320,0	320,0											320,0	320,0		
5	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Sơn	500,0	-	500,0	500,0									500,0	-	500,0	
6	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa xã Triệu Vân	700,0	700,0	-										700,0	700,0	-	
7	Mở rộng khuôn viên Trụ sở Huyện ủy Triệu Phong	1.000,0	1.000,0											500,0	500,0		
8	Đường Trần Hữu Dực (đoạn từ Đình Tiên Hoàng đến Trần Hưng Đạo)	3.800,0		3.800,0	3.800,0									1.000,0		1.000,0	
9	Nâng cấp sân, công tường rào nhà văn hóa Tiểu khu 4 thị trấn Ái Tử	600,0		600,0	600,0									600,0		600,0	
10	Đường Hồng Chương, thị trấn Ái Tử	7.000,0		7.000,0	7.000,0									2.000,0		2.000,0	
11	Đường Trần Phú, thị trấn Ái Tử	10.500,0		10.500,0	10.500,0									3.000,0		3.000,0	
12	Đường GT liên thôn Ái Tử, xã Triệu Ái	700,0		600,0	600,0			100,0						300,0		300,0	
13	Nâng cấp sân thể thao xã Triệu Ái	300,0		300,0	300,0									300,0		300,0	
14	Kiên cố hóa kênh nội đồng xã Triệu Ái năm 2023	600,0		300,0	300,0			300,0						300,0		300,0	
15	Kiên cố hóa đường GTNT các thôn xã Triệu Ái năm 2023	1.200,0		600,0	600,0			600,0						300,0		300,0	
16	Kiên cố hóa kênh mương các thôn xã Triệu Độ	700,0		700,0	700,0									300,0		300,0	
17	Đường GTNT các thôn xã Triệu Độ năm 2023	1.100,0		1.100,0	1.100,0									500,0		500,0	
18	Nâng cấp nhà làm việc UBND xã Triệu Phước	500,0		500,0	500,0									500,0		500,0	
19	Đường giao thông nông thôn thôn An Xuân, xã Triệu An	1.000,0		1.000,0	1.000,0									500,0		500,0	
20	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch năm 2023	1.000,0		1.000,0	1.000,0									500,0		500,0	
21	Nâng cấp trụ sở xã Triệu Thuận	500,0		500,0	500,0									500,0		500,0	
22	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành	700,0		700,0	700,0									300,0		300,0	
23	Điểm sinh hoạt Văn hóa & TDTT thôn Bích La Đông xã Triệu Thành	400,0		400,0	400,0									400,0		400,0	
24	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Triệu Thành	700,0		700,0	700,0									300,0		300,0	
25	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT xã Triệu Thành	1.000,0		800,0	800,0			200,0						400,0		400,0	
26	Kênh mương nội đồng các thôn xã Triệu Long	1.000,0		1.000,0	1.000,0									500,0		500,0	
27	Đường GTNT thôn Đại Hào, xã Triệu Đại	480,0		480,0	480,0									480,0		480,0	
III	Trích ngân sách huyện theo Nghị Quyết số: 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị và thực hiện nhiệm vụ khác													3.800,0		3.800,0	